

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày 27-8-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc
Ông Huỳnh Bá Tiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 21/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-DS ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 2206/2018/UQ-TTT ngày 14/12/2018): Bà Hà Thị V, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch quận Hải Châu. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1988.(vắng mặt)

Địa chỉ: Số 46 đường Q, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S bà Hà Thị V trình bày:

Ngày 19/4/2017, ông Huỳnh Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.633.201đ. Trong

quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.300.000đ. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Vào ngày 01/5/2018, Ngân hàng chúng tôi đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông T vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông T vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông T đã rút qua thẻ trong 4 lần, cụ thể:

Ngày 31/5/2017 rút số tiền 19.016.000đ

Ngày 31/7/2017 rút số tiền 500.000đ

Ngày 31/12/2017 rút số tiền 2.709.401đ

Ngày 31/01/2018 rút số tiền 357.800đ

Tổng cộng nợ gốc ông T đã vay thẻ hiện qua các lần rút tiền trong tài khoản là 22.633.201đ;

Quá trình vay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả 1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ.

Tuy nhiên hiện nay số tiền nợ gốc ông T phải trả cho Ngân hàng là: 21.401.662đ (gồm 14.333.201đ tiền đã rút từ tài khoản và 7.068.461đ tiền nợ lãi bị chuyển sang thành nợ gốc theo cam kết tại thỏa thuận vay)

Về số tiền lãi ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chúng tôi là: 10.165.760đ số tiền lãi này được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 27/8/2019 trong đó lãi trong hạn là 6.099.456đ; lãi quá hạn là 4.066.304đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông T phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 27/8/2019 (ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông T phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông T phải thanh toán là: 31.567.422đ.

Để bảo vệ quyền lợi cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày

27/8/2019 là: 31.567.422đ và tiếp tục thanh toán lãi vay cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông T trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Huỳnh Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của ông T ngày 17/4/2017 là 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông T phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 27/8/2019 cụ thể là: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán là: 31.567.422đ.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Thanh T để đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy ông T không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 17/4/2017 ông T đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S. Theo thỏa thuận hợp đồng, ông T vay theo hình thức tín chấp; thời

hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; mục đích vay tiêu dùng. Từ ngày 31/5/2017 đến ngày 31/01/2018, ông T đã thực hiện các giao dịch rút tiền trong tài khoản với tổng số tiền là 22.633.201đ.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông T mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S được số tiền nợ gốc 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả 1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ. Ông T chưa thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP S chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với ông T và khởi kiện để yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Huỳnh Thanh T phải thanh toán tính đến ngày 27/8/2019 là 31.567.422đ trong đó: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ).

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Huỳnh Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 31.567.422đ (trong đó nợ gốc 21.401.662đ ; Nợ lãi tính đến ngày 27/8/2019: 10.165.760đ) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm ông T phải chịu là 1.578.371đ (Một triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi một đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 686.190đ cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Huỳnh Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc ông Huỳnh Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 31.567.422đ (Ba mươi một triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, bốn trăm hai mươi

hai đồng). Trong đó nợ gốc là 21.401.662đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 27/8/2019 là 10.165.760đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.578.371đ (Một triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 686.190đ (Sáu trăm tám mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001934 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Huỳnh Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

